

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ NGOẠI GIAO**

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

**ĐỖ LÊ CHI**

**TÁC ĐỘNG CỦA CẤU TRÚC AN NINH TẠI KHU VỰC  
CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG TỚI VIỆT NAM  
GIAI ĐOẠN 2010 - 2020**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9 31 02 06

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**Hà Nội - 2019**

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Nguyễn Thái Yên Hương

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Phản biện 3: .....

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại Học viện Ngoại giao

Vào hồi      giờ      ngày      tháng      năm 2019

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Sự tồn tại, phát triển và lợi ích của mỗi quốc gia phụ thuộc lớn vào không gian sinh tồn và môi trường an ninh của quốc gia đó. Trong thời đại toàn cầu hóa, lợi ích của các quốc gia tuy vừa tùy thuộc chặt chẽ nhau hơn, nhưng lại vừa va đập gay gắt hơn. Điều này tất yếu hình thành những thiết chế, cơ chế để giải quyết xung đột lợi ích nhằm duy trì môi trường hòa bình, hợp tác để các quốc gia cùng phát triển - gọi là cấu trúc an ninh.

Châu Á - Thái Bình Dương là một khu vực địa lý rộng lớn, chiếm 46% diện tích toàn cầu. Từ năm 1970 đến nay, Châu Á là khu vực phát triển kinh tế năng động nhất thế giới và được mệnh danh là "Trung tâm của thế giới trong thế kỷ XXI", đồng thời là trung tâm hợp tác và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, trước hết là giữa Mỹ và Trung Quốc. Điều này đòi hỏi các quốc gia ở CA-TBD phải có sự điều chỉnh chính sách đối ngoại một cách phù hợp.

Việt Nam là quốc gia có vị trí địa - chiến lược quan trọng tại khu vực CA-TBD. Vì vậy, CTAN tại khu vực CA-TBD luôn có tác động trực tiếp, nhanh chóng tới Việt Nam. Việc chủ động nhận diện thời cơ, thách thức do tác động từ CTAN khu vực tới Việt Nam để khuyến nghị là đòi hỏi cấp bách. Trong khi đó, đến nay chưa có công trình đã công bố nào nghiên cứu trực tiếp, chuyên sâu về tác động của CTAN tại CA-TBD tới Việt Nam.

Xuất phát từ tình hình trên, việc nghiên cứu đề tài ***“Tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tới Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”*** làm luận án tiến sĩ, chuyên ngành quan hệ quốc tế là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

### 2. Lịch sử nghiên cứu nghiên cứu vấn đề

Từ kết quả khảo sát, nghiên cứu sinh tìm thấy các công trình nghiên cứu về CTAN tại khu vực CA-TBD ở phạm vi khác nhau, có thể sắp xếp thành 04 nhóm chủ yếu như sau:

**Một là, nhóm công trình nghiên cứu về lý thuyết CTAN khu vực, CTAN tại khu vực CA-TBD**, gồm: cuốn *World order* của Henry Kissinger, do NXB Penguin Books Limited phát hành năm 2014; cuốn *Regional Powers and Security Orders: A Theoretical Framework* của Robert Stewart - Ingersoll và Derrick Fraizier xuất bản năm 2012; cuốn *International Relations Theory and the Asia - Pacific* của G.John Ikenberry và Michael Mastanduno, do NXB Đại học Columbia phát hành năm 2003; cuốn *Regional Security Structures in Asian* của Ashok Kapor, do NXB Routledge xuất bản năm 2003, tái bản năm 2013.

**Hai là, nhóm công trình nghiên cứu về tổng thể CTAN tại khu vực CA-TBD**, gồm: cuốn *Asia-Pacific Rebalance 2025: Capabilities, Presence and Partnerships* do Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế công bố năm 2016; cuốn *Bilateralism, Multilateralism and Asia - Pacific Security* của William T.Tow và Brendan Taylor, do NXB Routledge phát hành; cuốn *Multilateral Asian Security Architecture: Non - ASEAN Stakeholders* của See Seng Tan do NXB Taylor & Francis Ltd xuất bản năm 2017; cuốn *Cục diện thế giới đến 2020* của Phạm Bình Minh, do NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 2010; cuốn *Con đường củng cố An ninh và Hợp tác ở Đông Á* của Nguyễn Quang Thuán, do NXB Khoa học xã hội xuất bản năm 2016.

**Ba là, nhóm công trình nghiên cứu về các yếu tố chủ chốt trong CTAN tại khu vực CA-TBD**, gồm: cuốn *Shifting Power in Asia - Pacific* của Fels Enrico, do NXB Springer phát hành năm 2017; cuốn *Asian Waters: The struggle over the Asia Pacific and the Strategy of Chinese Expansion* của Humphrey Hawksley; cuốn *The New ASEAN in Asia - Pacific and Beyond* của Shaun Narine, do NXB Lynne Rienner xuất bản năm 2018; cuốn *Asia - Pacific Security: US, Australia and Japan and the New Security Triangle* của William Tow, Mark Thomson, Yoshimobu Yamanoto, Satu Limaye, do NXB Routledge phát hành năm 2008; cuốn *Thế hệ lãnh đạo thứ*

*năm của Trung Quốc: Những điều chỉnh chính sách với Mỹ và các tác động tới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương* của Nguyễn Thái Yên Hương, do NXB Chính trị Quốc gia phát hành năm 2015; cuốn *Quan hệ Hoa Kỳ - ASEAN 2001-2020* của Nguyễn Thiết Sơn, do NXB Từ điển Bách khoa phát hành năm 2012; luận án "*Tác động của quan hệ Mỹ - Trung đến an ninh Châu Á - Thái Bình Dương sau Chiến tranh lạnh*", Lê Hải Bình, Học viện Ngoại giao, 2013; luận án "*Vai trò của ASEAN trong trật tự Đông Á tới năm 2020 và định hướng chính sách đối ngoại của Việt Nam*", Nguyễn Hùng Sơn, Học viện Ngoại giao, 2013; luận án "*Vai trò của ASEAN trong tiến trình hợp tác và liên kết khu vực ở Đông Á*", Tôn Thị Ngọc Hương, Học viện Ngoại giao, 2016;

***Bốn là, nhóm công trình nghiên cứu về tác động của CTAN tại khu vực CA-TBD tới Việt Nam***, gồm: cuốn *Asia - Pacific Security Cooperation: National Interests and Regional order* của See Seng Tan và Amitav Acharya, do NXB Routledge phát hành năm 2014; cuốn *Cục diện Châu Á - Thái Bình Dương* của Dương Phú Hiệp và Vũ Văn Hà đồng, do NXB Chính trị Quốc gia phát hành năm 2006.

Các công trình trên đề cập tác động của QHQT và an ninh khu vực CA-TBD chủ yếu đối với thế giới và khu vực, nên chưa nghiên cứu tác động tới Việt Nam. Một số công trình đưa ra nhận định, dự báo về tác động của tình hình khu vực tới Việt Nam, nhưng chưa nghiên cứu trực tiếp tác động của CTAN khu vực tới Việt Nam. Đây là những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết.

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **\* Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu nhằm làm rõ sự vận động và tác động của CTAN tại khu vực CA-TBD tới Việt Nam từ năm 2010 đến nay, trên cơ sở đó đưa ra khuyến nghị chính sách đến năm 2030 nhằm bảo đảm lợi ích và ANQG Việt Nam.

#### **\* Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Phân tích, làm rõ lý thuyết về CTAN khu vực; tình hình CTAN tại khu vực CA-TBD trước năm 2010; địa thế chiến lược của Đông Nam Á và Việt Nam trong CTAN tại khu vực CA-TBD.

- Phân tích, đánh giá sự vận động của CTAN tại khu vực CA-TBD giai đoạn từ 2010 đến nay, sự tham gia của Việt Nam trong CTAN tại khu vực và đánh giá tác động tới Việt Nam.

- Dự báo xu hướng tác động của CTAN tại khu vực CA-TBD tới Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra khuyến nghị chính sách phù hợp.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### ***\* Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận án là CTAN tại khu vực CA-TBD và tác động của CTAN tại khu vực CA-TBD tới Việt Nam.

##### ***\* Phạm vi nghiên cứu***

- Về nội dung, luận án nghiên cứu tác động của CTAN tại khu vực CA-TBD tới Việt Nam dựa trên lý thuyết QHQT và chủ yếu tập trung vào lĩnh vực an ninh, đối ngoại.

- Về không gian, luận án nghiên cứu khu vực CA-TBD, đặc biệt là khu vực Đông Á - nơi tập trung các vấn đề trọng yếu gắn với lợi ích và ANQG của Việt Nam.

- Về thời gian, luận án nghiên cứu giai đoạn từ năm 2010 đến nay, dự báo đến năm 2030.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về đối ngoại. Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể chủ yếu gồm: phương pháp cấu trúc; phương pháp phân tích tài liệu; phương pháp nghiên cứu lịch sử, so sánh, tổng hợp; phương pháp nghiên cứu điển hình; phương pháp dự báo.

#### **6. Nguồn tài liệu**

- Luận án sử dụng tài liệu gốc, chính thức của các nước, tổ chức quốc tế, văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luận án khai thác sách, bài báo, báo cáo khoa học được công bố chính thức trong nước và ngoài nước; đề tài khoa học, chuyên đề nghiên cứu của Bộ Ngoại giao, viện nghiên cứu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Đồng thời, khai thác tài liệu từ phòng vấn chuyên gia, nhà hoạt động ngoại giao, chính trị gia, học giả trong nước và ngoài nước.

- Luận án khai thác, sử dụng thông tin, số liệu từ trang tin điện tử, cổng thông tin điện tử của các tổ chức, viện nghiên cứu, hãng thông tấn, báo chí uy tín.

## **7. Những đóng góp của luận án**

- Luận án là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống về tác động của CTAN tại khu vực CA-TBD tới Việt Nam, trong đó nổi bật là đóng góp mới về đánh giá tác động của CTAN khu vực tới Việt Nam trên ba phương diện môi trường an ninh, không gian phát triển và vị thế quốc gia.

- Đóng góp những khuyến nghị có cơ sở khoa học để xây dựng chính sách đối ngoại của Việt Nam đến năm 2030.

- Đóng góp một công trình khoa học phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu của các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu tại Việt Nam.

## **8. Bố cục của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được bố cục gồm 3 chương:

- *Chương 1. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn về tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tới Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020.* Chương này làm rõ lý thuyết về CTAN khu vực, mô tả CTAN tại khu vực CA-TBD trước năm 2010, phân tích địa thế chiến lược của ĐNA và Việt Nam trong CTAN tại khu vực CA-

TBD.

- **Chương 2. Sự vận động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương giai đoạn từ 2010 đến nay và tác động tới Việt Nam.** Bám sát khung lý thuyết ở Chương 1, Chương này phân tích sự vận động của CTAN tại khu vực CA-TBD giai đoạn 2010 - 2020, làm rõ sự tham gia của Việt Nam trong CTAN tại khu vực và đánh giá tác động của CTAN tại khu vực CA-TBD giai đoạn 2010 - 2020 tới Việt Nam trên ba phương diện gồm môi trường an ninh, không gian phát triển và vị thế quốc gia.

- **Chương 3. Dự báo tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tới Việt Nam đến năm 2030 và khuyến nghị chính sách.** Trên cơ sở kết quả nghiên cứu ở Chương 1 và Chương 2, Chương này phân tích dự báo về tác động của CTAN tại khu vực CA-TBD tới Việt Nam đến năm 2030, đưa ra bốn nhóm khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam trong thời gian tới.



# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN

### VỀ TÁC ĐỘNG CỦA CẤU TRÚC AN NINH TẠI KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG TỚI VIỆT NAM

#### 1.1. Lý thuyết về tác động của cấu trúc an ninh khu vực

##### 1.1.1. Cấu trúc an ninh khu vực

- Về khái niệm, CTAN khu vực là hình thái quan hệ giữa các chủ thể quốc gia trong một phạm vi địa lý nhất định, thể hiện qua hệ thống cơ chế hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh nhằm đối phó và giải quyết các thách thức an ninh chung. CTAN khu vực được cấu thành bởi ba yếu tố chủ yếu: (i) Dạng thức quan hệ thể hiện quyền lực giữa các chủ thể trong cấu trúc; (ii) Các kênh, khuôn khổ thể hiện dạng thức vận động của quyền lực; và (iii) Các vấn đề an ninh chung và các chuẩn mực đặc trưng của khu vực. Ba yếu tố này có mối quan hệ hữu cơ, cùng nhau định hình CTAN khu vực, trong đó, dạng thức quan hệ thể hiện quyền lực giữa các quốc gia giữ vai trò chủ chốt và chi phối hai nhân tố còn lại.

- Về dạng thức, CTAN khu vực gồm 5 dạng thức chính: cấu trúc dựa trên bá quyền, cấu trúc dựa trên cân bằng quyền lực, cấu trúc dựa trên hòa hợp quyền lực, cấu trúc dựa trên quan hệ hợp tác và cấu trúc tự do. Trong một khu vực có thể tồn tại đồng thời nhiều dạng thức cấu trúc khác nhau, có sự chuyển dịch từ dạng này sang dạng khác. Khó xác định một khu vực có cấu trúc hoàn toàn trùng khớp với một dạng thức cụ thể nêu trên.

- Về sự hình thành và vận động của cấu trúc an ninh khu vực: Yếu tố tác động sự hình thành và vận động của CTAN khu vực gồm (i) sự dàn xếp, thỏa thuận giữa các quốc gia (yếu tố bên trong, mang tính chủ quan) và (ii) xu hướng, tình hình liên quan đến an ninh nổi lên (yếu tố bên ngoài, mang tính khách quan). Sự vận động của CTAN khu vực biểu hiện trên 3 phương diện chủ yếu: (i) sự thay đổi

trong quan hệ giữa các nước lớn; (ii) sự thay đổi trong xu hướng tập hợp lực lượng và (iii) sự thay đổi, điều chỉnh trong hệ thống các khuôn khổ, cơ chế và liên kết khu vực.

### ***1.1.2. Tác động của cấu trúc an ninh khu vực tới quốc gia***

- Về khái niệm, tác động của cấu trúc an ninh khu vực đối với quốc gia là quá trình cấu trúc an ninh khu vực tạo ra các xu hướng vận động trong chính sách, hành vi và điều kiện bảo đảm lợi ích quốc gia của các nước tại khu vực. Tác động của CTAN khu vực đối với quốc gia mang tính tất yếu khách quan. Các quốc gia phải tính toán, lựa chọn chính sách và hành vi tương hợp nhất định với xu hướng vận động chung của cấu trúc nhằm bảo vệ tối đa lợi ích của mình.

- Về cơ chế, tác động của CTAN khu vực đối với quốc gia diễn ra theo hai hướng chính: Thông qua khuôn khổ, quy định, CTAN khu vực chi phối chính sách và hành vi đối ngoại của mỗi quốc gia; Duy trì trật tự, giải quyết các vấn đề an ninh nổi lên, thiết lập môi trường quốc tế ở khu vực, xác định địa vị quốc gia và trực tiếp tác động theo hướng tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi hay đặt ra những thách thức, khó khăn đối với mỗi quốc gia. CTAN khu vực tác động đến ba yếu tố chính chi phối trực tiếp lợi ích quốc gia, bao gồm: môi trường an ninh, không gian phát triển và địa vị quốc gia trong hệ thống quốc tế. Cơ chế tác động giữa CTAN khu vực tới quốc gia mang tính hai chiều. CTAN khu vực làm thay đổi năng lực tổng hợp quốc gia và có tác động đến diễn biến và kết quả quan hệ quốc tế của quốc gia

### ***1.1.3. Cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong một số trường phái lý thuyết***

- Chủ nghĩa hiện thực lý giải về CTAN tại khu vực CA-TBD dựa trên nguyên tắc cân bằng quyền lực và thuyết ổn định nhờ bá quyền. Theo đó, trạng thái ổn định của CTAN khu vực trong giai đoạn Chiến tranh lạnh chính là kết quả của sự cân bằng quyền lực giữa hai cực Mỹ - Xô. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, trường phái này không chú ý nhiều tới các thể chế, diễn đàn đa phương trong khu

vực. Từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, Mỹ thiết lập các cơ chế hợp tác do Mỹ dẫn dắt nhằm đối phó thành công với các thách thức chung và duy trì ổn định trật tự khu vực; đồng thời CTAN tại khu vực thay đổi khi Trung Quốc nổi lên, cạnh tranh trực tiếp với vị trí lãnh đạo của Mỹ, thay đổi trật tự do Mỹ làm trung tâm, và xung đột giữa hai đối thủ là khó tránh khỏi.

- *Chủ nghĩa tự do*: Nhánh Tự do thương mại cho rằng cấu trúc khu vực chuyển dịch từ trạng thái đơn cực do Mỹ chi phối sang trạng thái đa cực một cách hòa bình với sự phát triển mạnh mẽ của các cường quốc khác trong khu vực, đặc biệt là Trung Quốc; nhấn mạnh vai trò chủ chốt của Mỹ trong việc dẫn dắt khu vực, định hình nên một trật tự ổn định và hòa bình bằng cách xây dựng các mạng lưới liên kết kinh tế và mở cửa thị trường. Nhánh Tân tự do thể chế nhấn mạnh vai trò của các chủ thể phi quốc gia trong việc duy trì CTAN đa cực tại khu vực; chỉ rõ các thể chế Châu Á liên kết lỏng lẻo hơn với nhiều tầng, lớp đan xen, tính độc lập tương đối của các quốc gia thành viên đã khiến cho sự đồng nhất và tiếng nói chung của thể chế khu vực giảm đi.

- *Chủ nghĩa kiến tạo* dựa trên cơ sở bản sắc văn hóa để lý giải tại sao một tổ chức an ninh tập thể như NATO lại không thành lập được tại khu vực CA-TBD. Các nhà kiến tạo cũng dựa trên chuẩn mực và văn hóa của mỗi quốc gia cũng như bản sắc chung của khu vực để giải thích sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa khu vực tại Châu Á, thể hiện tập trung nhất qua sự ra đời của ASEAN. Ngoài ra, từ góc độ lịch sử và văn hóa, các học giả kiến tạo chủ nghĩa cũng cho rằng với truyền thống văn hóa “chư hầu” và thứ bậc, Châu Á sẽ không bất ổn trước sự trỗi dậy của Trung Quốc. Các quốc gia sẽ chấp nhận “phụ thịnh” Trung Quốc tương tự như chấp nhận sự thống trị của đế quốc Trung Hoa trong lịch sử mấy nghìn năm qua.

## **1.2. Cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2010**

### ***1.2.1. Sự vận động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2010***

- *Giai đoạn Chiến tranh lạnh*, CTAN khu vực ở hai thập kỷ đầu của giai đoạn này được định hình bởi hai tập hợp lực lượng đối lập giữa một bên là Mỹ và các nước đồng minh, còn một bên là Liên Xô, Trung Quốc và các nước đang tiến hành cuộc chiến tranh chống xâm lược của Mỹ và một số nước phương Tây. Chuyển sang giai đoạn cuối thập niên 1960 đầu thập niên 1970, CTAN khu vực có sự thay đổi khi Trung Quốc theo đuổi chính sách vừa chống Mỹ vừa chống Liên Xô. Sự ra đời của ASEAN với 5 thành viên ban đầu là Indônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan và Xinggapo là một dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của CTAN khu vực giai đoạn này.

- *Giai đoạn Chiến tranh lạnh kết thúc đến trước năm 2010*, CTAN khu vực giai đoạn này đặc trưng bởi 4 yếu tố quan trọng là vị trí lãnh đạo và siêu cường số một của Mỹ tại khu vực, sự phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc, vai trò gia tăng của ASEAN và sự phát triển mạnh mẽ của các thể chế đa phương trong khu vực.

### ***1.2.2. Đặc điểm cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2010***

- Cấu trúc an ninh khu vực được hình thành và vận động trên cơ sở cân bằng quyền lực.

- Cơ chế hợp tác đa phương phát triển hơn, ASEAN xác lập vị trí quan trọng hơn trong CTAN khu vực.

- Sự phân bố lực lượng trong CTAN khu vực đã từng bước hình thành các tầng nấc khác nhau.

## **1.3. Địa thế chiến lược của Đông Nam Á và Việt Nam trong cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương**

### ***1.3.1. Địa thế chiến lược của Đông Nam Á tại khu vực***

- Đông Nam Á là địa bàn tranh chấp chiến lược hàng đầu của nước lớn

- ASEAN có vị trí chiến lược trong tính toán chiến lược của các nước lớn đối với CA-TBD

- Mỗi nước ASEAN có thể mạnh và giá trị địa - chiến lược riêng tại khu vực.

### ***1.3.2. Giá trị địa - chiến lược của Việt Nam tại khu vực***

- *Về giá trị địa - chính trị*, với vị trí là cửa ngõ đi vào Châu Á từ Thái Bình Dương, Việt Nam lại trở thành mục tiêu của các cường quốc với tham vọng kiểm soát, chiếm giữ vị trí “đắc địa” này để giúp kiểm soát Đông Nam Á nói riêng, Châu Á nói chung. Bối cảnh tình hình mới với cuộc cạnh tranh quyền lực và ảnh hưởng gay gắt giữa các cường quốc đã làm cho vị trí địa - chính trị của Việt Nam ngày càng quan trọng hơn. Bên cạnh đó, là quốc gia có truyền thống đối phó thành công với các nước lớn trong suốt chiều dài lịch sử, nhất là với cả Trung Quốc và Mỹ, Việt Nam có uy tín và ảnh hưởng đối với các nước Đông Nam Á nói riêng, các quốc gia vừa và nhỏ tại CA-TBD nói chung.

- *Về giá trị địa - kinh tế*, với vị trí chiến lược và đường lãnh hải dài, mỗi phần lãnh thổ Việt Nam đều có thể đóng vai trò là cửa ngõ kết nối nội địa châu Á với Thái Bình Dương. Đồng thời, với đường bờ biển dài 3.260km, Việt Nam có nhiều khu vực xây dựng cảng biển cho phép Việt Nam đóng một vai trò then chốt về kinh tế và cung ứng dịch vụ logistic cho các quốc gia trong và ngoài khu vực. Việt Nam cũng là quốc gia nằm trên tuyến đường bộ Xuyên Á và trên trục chính của Hành lang kinh tế Đông Tây. BRI của Trung Quốc lấy Đông Nam Á làm địa bàn xuất phát và Việt Nam án ngữ 3/5 con đường triển khai.

- *Về giá trị địa - an ninh*, Việt Nam có vị trí địa lý đặc thù ở Biển Đông - khu vực giữ vai trò trọng yếu đối với an ninh Đông Nam Á nói riêng và CA-TBD nói chung, đặc biệt là các cấu trúc tại quần đảo ngoài khơi Hoàng Sa, Trường sa. Các chiến lược gia Phương Tây cho rằng quốc gia nào kiểm soát được quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa sẽ kiểm soát và khống chế được toàn bộ Biển Đông. Việt Nam có đường bờ biển dài với nhiều cảng nước sâu có tiềm năng và năng lực

vận tải lớn, có khả năng làm căn cứ cho tàu ngầm cũng như tàu sân bay để giúp kiểm soát an ninh Biển Đông. Việt Nam có thể sử dụng ưu thế địa - an ninh này để tiến hành bảo vệ chủ quyền hợp pháp của mình tại Biển Đông, đồng thời cùng các nước khác bảo đảm an ninh hàng hải và lợi ích chung khác trên các vùng biển, chống lại sự áp đặt của nước lớn trong khu vực.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng ở vị trí “đắc địa” để phát huy vai trò trong nội bộ tổ chức ASEAN, thiết lập và tăng cường các cơ chế, khuôn khổ hợp tác gắn kết giữa khu vực Tiểu vùng sông Mekong với các quốc đảo ASEAN tại Biển Đông. Ở vị trí địa lý này, Việt Nam có khả năng đóng góp to lớn vào tiến trình vận động của CTAN tại khu vực với sự tham gia của tất cả các nước lớn cùng có lợi, qua đó phát huy lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, vị trí địa lý này cũng đặt ra cho Việt Nam nhiều trở ngại về an ninh trong triển khai lợi ích của mình trước tác động của tất cả các nước lớn.

## **CHƯƠNG 2**

### **SỰ VẬN ĐỘNG CỦA CẤU TRÚC AN NINH TẠI KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG GIAI ĐOẠN TỪ 2010 ĐẾN NAY VÀ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆT NAM**

#### **2.1. Vận động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương từ 2010 đến nay và sự tham gia của Việt Nam**

##### ***2.1.1. Những nhân tố tác động tới sự vận động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương giai đoạn từ 2010 đến nay***

- Tình hình và các xu thế nổi bật của thế giới và khu vực, gồm: về kinh tế, trung tâm toàn cầu chuyển về Châu Á - Thái Bình Dương; về chính trị, chủ nghĩa dân túy trỗi dậy kéo theo xu hướng chính sách cực đoan, đơn phương, áp chế trong quan hệ quốc tế; về an ninh,

nhều điểm nóng đe dọa biến thành xung đột vũ trang; thách thức an ninh đa dạng và phức tạp hơn.

- Tương quan lực lượng, chuyển dịch quyền lực và sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn, cụ thể là: Tương quan lực lượng Mỹ - Trung thay đổi, dẫn tới chuyển dịch quyền lực tại khu vực (Mỹ tiếp tục là siêu cường tại khu vực, với sức mạnh tổng hợp tiếp tục nổi trội hơn bất cứ nước nào tại CA-TBD, tuy nhiên Trung Quốc đã vươn lên thành một siêu cường, thách thức vị trí lãnh đạo của Mỹ tại khu vực); Quan hệ nước lớn hướng tới đối đầu, dẫn tới xu hướng tập hợp lực lượng mới (Quan hệ Mỹ - Trung tác động lớn nhất tới CTAN tại CA-TBD; quan hệ Mỹ - Nga về cơ bản có hai mặt cạnh tranh và hợp tác, nhưng đấu tranh là chủ đạo nhưng không mang tính xung đột trực diện, không đối kháng về lợi ích địa - chiến lược; quan hệ Trung - Nga mang nặng tính "cơ hội" trong bối cảnh cả hai nước đều cần nhau để cùng chống lại Mỹ và Phương Tây).

### ***2.1.2. Sự vận động của cấu trúc an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương giai đoạn từ 2010 đến nay***

- Mỹ củng cố, mở rộng và thay đổi cấu trúc "Trục và Nan hoa" tạo bước phát triển về chất của các cơ chế hợp tác an ninh của Mỹ trên nền cấu trúc "Trục và Nan hoa" truyền thống. Đối tượng chủ yếu của các điều chỉnh của Mỹ trong cấu trúc ngày càng tập trung vào Trung Quốc, gồm: tiếp tục thúc đẩy và thắt chặt các đồng minh chủ chốt trên cơ sở duy trì sự chia sẻ về những giá trị cốt lõi; thúc đẩy quan hệ với các đối tác mới và các nước trong khu vực Đông Nam Á; thiết lập, mở rộng các liên minh, hợp tác chiến lược đa phương để ngăn chặn Trung Quốc; tăng cường hiện diện quân sự, thúc đẩy mở rộng các khuôn khổ tập trận chung tại khu vực.

- Trung Quốc thiết lập, phát triển tập hợp "Đàn sếu bay" có thay đổi to lớn, nâng cao vai trò, ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế, đặc biệt tại CA-TBD. Nền tảng cấu trúc do Trung Quốc thiết lập có mục tiêu kiểm soát thế giới, trước hết là Châu Á và loại trừ Mỹ, gồm: tập hợp lực lượng theo mô hình "Đàn sếu bay" thông qua

ảnh hưởng về kinh tế, giành ảnh hưởng chi phối tại khu vực; thiết lập và phát huy các tổ chức hợp tác an ninh do Trung Quốc dẫn dắt; triển khai các dự án lớn nhằm kiểm soát Đông Nam Á.

- Cơ chế, khuôn khổ hợp tác do ASEAN làm trung tâm có những thay đổi to lớn, cụ thể là: các cơ chế do ASEAN dẫn dắt dung nạp tất cả các nhân tố chủ chốt tác động đến môi trường an ninh tại khu vực và có tác dụng trong điều hòa các lợi ích xung đột, duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác; vai trò “trung tâm” của ASEAN được thiết lập và củng cố dựa trên đồng lợi ích của nước lớn và nhu cầu của ASEAN; các nguyên tắc cơ bản như “không can thiệp”, “không ràng buộc”, “đồng thuận” vừa là ưu thế để ASEAN thiết lập và nâng cao vai trò trung tâm, vừa là trở ngại đối với triển vọng vai trò của ASEAN.

### ***2.1.3. Sự tham gia của Việt Nam trong cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương***

- Chủ trương và hoạt động tham gia của Việt Nam trong cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Việt Nam luôn chủ động, tích cực và trách nhiệm trong các hoạt động nhằm thúc đẩy sự phát triển và hiệu quả của các diễn đàn, cơ chế hợp tác trong khu vực. Dù tham gia ở khuôn khổ hay cơ chế hợp tác an ninh nào, Việt Nam luôn nhất quán chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa; ưu tiên ASEAN và quan hệ hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng; giữ mối quan hệ cân bằng, trung lập với các cường quốc trong và ngoài khu vực; thực hiện chính sách quốc phòng “ba không” mang tính hòa bình với mục tiêu cao nhất là đảm bảo tối đa lợi ích quốc gia, dân tộc và vì hòa bình, ổn định, phát triển chung của khu vực.

- Đóng góp của Việt Nam đối với tiến trình xây dựng CTAN tại khu vực CA-TBD, cụ thể là: Góp phần thúc đẩy tiến trình hợp tác khu vực theo chiều sâu và thực chất hơn với việc tích cực đưa ra các sáng kiến và tham gia xây dựng các giải pháp nhằm xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa, thiết lập những quy tắc, chuẩn mực ứng xử chung cho các quốc gia trong khu vực; góp phần tạo sự gắn kết và



nâng cao vị thế của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực; thúc đẩy hòa bình, ổn định và an ninh khu vực trên cơ sở các nguyên tắc, chuẩn mực chung của ASEAN và luật pháp quốc tế với việc trực tiếp chủ trì và tham gia xây dựng các sáng kiến thúc đẩy hòa bình, ổn định và giải quyết các điểm nóng tại khu vực.

## **2.2. Tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tới Việt Nam giai đoạn từ 2010 đến nay**

### **2.2.1. Tác động tới môi trường an ninh**

- Thay đổi môi trường an ninh và quan hệ quốc tế tại khu vực, cụ thể là: môi trường an ninh khu vực từng bước trở lại trạng thái “Chiến tranh lạnh”, với quan hệ Mỹ - Trung hướng nhanh tới đối đầu; trật tự "lưỡng cực" thay thế cho trật tự “đơn cực” do Mỹ dẫn dắt; cục diện mới làm căng thẳng nhiều điểm nóng, trong khi thách thức an ninh trở nên đa dạng và phức tạp hơn

- Bản chất và hình thức xử lý các vấn đề an ninh khu vực thay đổi, nguy cơ xung đột cục bộ gia tăng song ít khả năng nổ ra chiến tranh, cụ thể là: các tranh chấp, bất đồng được xử lý linh hoạt bằng các cơ chế linh hoạt, trong đó pháp lý trở thành công cụ quan trọng hơn; cộ xát chiến lược, cạnh tranh ảnh hưởng nước lớn diễn biến phức tạp là nguyên nhân làm cho các nguy cơ xung đột gia tăng

- Đông Nam Á là trọng điểm tranh chấp chiến lược nước lớn, mang đến cả thách thức và cơ hội cho ASEAN, cụ thể là: Đông Nam Á là giao điểm của các chiến lược nước lớn; điểm xung yếu nhất tại Đông Nam Á là Tiểu vùng sông Mekong.

### **2.2.2. Tác động tới không gian phát triển**

- Không gian sinh tồn của Việt Nam bị thu hẹp trước việc Trung Quốc thiết lập và mở rộng vận hành cấu trúc “Đàn sếu bay”, cụ thể là: không gian biển Việt Nam bị đe dọa nghiêm trọng bởi các chiến lược mở rộng lãnh thổ và kiểm soát khu vực của Trung Quốc; hoạt động hợp tác kinh tế của Việt Nam bị suy giảm trước ảnh hưởng gia tăng

của Trung Quốc với các đối tác truyền thống của Việt Nam tại khu vực.

- Chính sách cạnh tranh giữa các nước lớn trên lĩnh vực kinh tế thương mại đặt ra cả cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam, gồm: Việt Nam có cơ hội mở rộng không gian hợp tác quốc tế, tận dụng động lực tăng trưởng từ các yếu tố bên ngoài; nền kinh tế Việt Nam dễ bị tổn thương bởi các rủi ro từ sự điều chỉnh chính sách của các đối tác lớn trong khu vực.

- Việt Nam có cơ hội phát huy giá trị địa - chiến lược đặc thù, thúc đẩy hành lang kinh tế Đông - Tây, chủ động đảm bảo không gian phát triển cân đối, bền vững, bao gồm: Việt Nam có lợi thế trong việc trở thành một điểm kết nối, thúc đẩy phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây; Việt Nam có cơ hội thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhất là hệ thống cảng biển phục vụ liên kết kinh tế quốc tế và phát triển bền vững.

### ***2.2.3. Tác động tới vị thế quốc gia***

- Vị thế quốc gia tăng lên, Việt Nam có điều kiện thay đổi về chất năng lực bảo đảm môi trường an ninh và không gian phát triển của mình, cụ thể là: giá trị địa-chiến lược của Việt Nam gia tăng khi cạnh tranh nước lớn chuyển trọng tâm chiến lược vào khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; Việt Nam có điều kiện thuận lợi để phát huy đường lối đối ngoại của mình, bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia - dân tộc.

- Việt Nam có cơ hội tác động vào tiến trình định hình cấu trúc an ninh và tham gia giải quyết các vấn đề chung tại khu vực, bao gồm: vị trí của quốc gia chủ chốt trong ASEAN tạo cho Việt Nam cơ hội tác động vào tiến trình định hình cấu trúc an ninh tại khu vực; Việt Nam có cơ hội phát huy vai trò dẫn dắt, làm trung tâm hòa giải trong các vấn đề quốc tế và khu vực

- Là tâm điểm cọ xát chiến lược của nước lớn, Việt Nam gặp khó khăn trong quan hệ đối ngoại với nước lớn và xử lý quan hệ nội

bộ ASEAN, cụ thể là: sự lôi kéo, tranh giành ảnh hưởng của nước lớn đặt Việt Nam vào tình thế “tiến thoái lưỡng nan” trong quan hệ đối ngoại; tác động của nước lớn và phân hóa nội bộ ASEAN đặt ra thách thức với Việt Nam, nhất là trong hai năm 2020-2021.

### CHƯƠNG 3

## DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA CẤU TRÚC AN NINH TẠI KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG TỚI VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030 VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

### 3.1. Dự báo tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tới Việt Nam đến năm 2030

#### 3.1.1. Dự báo về các yếu tố tác động đến cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

- Xu hướng phát triển tại khu vực theo hướng: CA-TBD là khu vực chi phối thịnh vượng và an ninh toàn cầu; hợp tác vẫn là xu thế bao trùm, với mức độ tùy thuộc lẫn nhau gia tăng, tuy nhiên đấu tranh cũng gay gắt, quyết liệt hơn; tiến bộ của khoa học-công nghệ làm thay đổi quan hệ quốc tế.

- Tương quan lực lượng và chiều hướng chiến lược của các nước lớn thời gian tới là: quan hệ Mỹ - Trung tiếp tục là cặp quan hệ quan trọng nhất trên thế giới, ảnh hưởng toàn diện, tác động đa chiều và có ý nghĩa quyết định đối với xu thế an ninh, quân sự, kinh tế, chính trị và trật tự thế giới trong tương lai, trong đó CA-TBD là “đấu trường” trực tiếp của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung; Ảnh hưởng của các cường quốc khác trong khu vực như Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc cũng có xu hướng ngày càng gia tăng với sự đan xen lợi ích giữa các nước này với cả Mỹ và Trung Quốc, từ đó tác động đến sự định hình và vận động của CTAN khu vực. Xu thế chuyển dịch trọng tâm quyền lực toàn cầu từ Tây sang Đông đã kéo theo điều chỉnh chiến lược của các nước lớn theo hướng tăng cường mức độ ảnh hưởng và sự hiện diện ở khu vực CA-TBD. Trong số các cường quốc trên, đáng chú ý nhất là vai trò của Nhật Bản và Ấn Độ.

- Tương lai của ASEAN và các cơ chế do ASEAN làm trung tâm tiếp tục tạo sân chơi và cân bằng quyền lực giữa các chủ thể tham gia, đồng thời, giữ vai trò là một thành tố không thể thiếu trong các

chính sách của Mỹ, Trung Quốc và các cường quốc khu vực khác để xử lý những vấn đề an ninh song phương hoặc đa phương. Tuy nhiên, ASEAN cũng chịu tác động mạnh từ triển vọng này, hững nguyên tắc căn bản của ASEAN sẽ đứng trước thách thức lớn, có thể làm suy giảm vai trò trung tâm của ASEAN.

### ***3.1.2. Dự báo các kịch bản về cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đến năm 2030***

- Kịch bản 1: Chưa có được một cấu trúc bao trùm, tổng thể mà tiếp tục tồn tại đồng thời hai tiểu cấu trúc do Mỹ và Trung Quốc dẫn dắt, vừa riêng biệt, vừa đan xen; ASEAN duy trì vai trò “trung tâm” trong khó khăn.

- Kịch bản 2: Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung dẫn tới xung đột vũ trang hoặc thỏa hiệp phân chia ảnh hưởng; các dạng thức cấu trúc hiện có bị phá vỡ; ASEAN không còn duy trì được vai trò trung tâm.

- Kịch bản 3: Các cường quốc khu vực ủng hộ, tạo không gian cho một dạng thức cấu trúc bao trùm do ASEAN thực sự giữ vai trò trung tâm.

### ***3.1.3. Dự báo tác động của các kịch bản về cấu trúc an ninh khu vực tới lợi ích của Việt Nam***

Ba kịch bản nêu trên về CTAN tại khu vực sẽ tác động tới lợi ích quốc gia của Việt Nam ở những mức độ và khía cạnh khác nhau theo cả hai chiều thuận, nghịch. Về cách tiếp cận, việc dự báo tác động của các kịch bản dựa trên cơ sở nghiên cứu, phân tích những biến động, thay đổi bên trong cấu trúc cũng như điều kiện và khả năng lựa chọn chính sách của Việt Nam trong từng kịch bản cụ thể, và tập trung đánh giá trên ba đối tượng chịu tác động trực tiếp là môi trường an ninh, không gian phát triển và vị thế quốc gia. *Kịch bản 3* là lí tưởng và có lợi nhất đối với lợi ích của Việt Nam cũng như toàn Cộng đồng ASEAN. *Kịch bản 1* là sự nối tiếp xu hướng diễn biến của tình hình trong 10 năm qua, vì thế không hứa hẹn

tạo nên sự chuyển biến, thay đổi đáng kể nào trong CTAN khu vực so với hiện nay, và những tác động của nó đối với Việt Nam cũng sẽ tiếp tục theo chiều hướng hiện có. Kịch bản 2, trong cả hai trường hợp Mỹ và Trung Quốc xung đột hay thỏa hiệp thì cũng đều dẫn tới các dạng thức cấu trúc hiện có bị phá vỡ, có thể dẫn tới những dạng thức cấu trúc mới, hình thành một trật tự mới, tác động trực tiếp và sâu sắc đến lợi ích của tất cả các nước trong khu vực, nhất là với những nước nằm ở vị trí địa - chiến lược nhạy cảm như Việt Nam.

### **3.2. Khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam**

#### ***3.2.1. Cần đánh giá đúng mối quan hệ chặt chẽ giữa tình trạng cấu trúc an ninh khu vực với lợi ích quốc gia***

- Việt Nam chịu tác động trực tiếp, toàn diện và sâu sắc từ những biến động của cấu trúc an ninh tại khu vực CA-TBD.

- Việt Nam cần và có thể góp phần thay đổi dạng thức cấu trúc an ninh khu vực theo hướng phù hợp hơn với lợi ích quốc gia

#### ***3.2.2. Giữ vững môi trường an ninh***

- Tác động thúc đẩy định dạng cấu trúc phù hợp với lợi ích quốc gia.

- Phát huy hơn nữa vai trò của các cơ chế hợp tác an ninh khu vực do ASEAN làm trung tâm, dựa trên luật pháp quốc tế để ngăn chặn xung đột.

- Thúc đẩy hình thành cơ chế an ninh tập thể, ràng buộc về pháp lý tại khu vực, trực tiếp là tại Đông Nam Á.

#### ***3.2.3. Bảo đảm không gian phát triển***

- Hợp tác phát triển kinh tế biển hiệu quả và bền vững

- Thúc đẩy sự can dự thực chất, có phối hợp của các nước phương Tây tại Tiểu vùng sông Mekong

- Phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây

- Phát huy “thế”, khắc phục “lực” tạo môi trường an ninh, phát triển thuận lợi

- Nắm vai trò hạt nhân trong ASEAN, củng cố địa vị trung tâm của ASEAN trong các vấn đề an ninh khu vực
- Xử lý tốt quan hệ Trung - Mỹ và quan hệ Trung-Việt-Mỹ

## KẾT LUẬN

1. Đề tài nghiên cứu này được lựa chọn trước hết với suy nghĩ rằng trong một thế giới đầy cạnh tranh, số phận của một nước nhỏ tùy thuộc ngày càng nhiều vào trật tự QHQT được quyết định chủ yếu bởi nước lớn. Tuy nhiên, nghiên cứu này đồng thời cũng được tiến hành với niềm tin rằng trong một bối cảnh mà lợi ích các nước ngày càng tùy thuộc vào nhau sâu sắc và toàn diện hơn, thì mỗi nước dù nhỏ cũng có được một sự bình đẳng nhất định trong QHQT và hoàn toàn có thể góp phần xây dựng CTAN khu vực mà trong đó lợi ích của mình được bảo đảm hơn. Điều này càng trở nên có giá trị hơn khi những nước nhỏ đó nằm ở một khu vực trọng điểm của cạnh tranh chiến lược nước lớn.

2. Trong một thập niên qua, tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động với sự thay đổi đáng kể trong tương quan lực lượng giữa nước lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc. Điều này dẫn đến những biến động mạnh trong CTAN tại khu vực CA-TBD. Trung Quốc từ bỏ chính sách “giấu mình chờ thời” chuyển sang “hành động thể hiện”, triển khai những chiến lược lớn, nổi bật là “đại chiến lược” BRI nhằm thiết lập cầu trúc “đàn sếu bay” để tập hợp lực lượng. Mỹ “phản tỉnh chiến lược”, phát động “đại chiến lược” IPS, điều chỉnh cấu trúc “trục và nan hoa” truyền thống nhằm kiềm chế tham vọng của Trung Quốc. Hai tiêu cấu trúc mới này cùng phát triển, vừa độc lập vừa đan xen, vừa đối đầu vừa hợp tác, tạo nên những xu hướng phát triển của tình hình đa chiều, phức tạp tại khu vực CA-TBD. ASEAN đã thông qua các thiết chế của mình nỗ lực góp phần bình ổn tình hình, tạo không gian hợp tác giữa các nước lớn, xử lý hòa bình các tranh chấp, bất đồng, không để xảy ra xung đột vũ trang. Tuy nhiên sự yếu kém về kinh tế và lo ngại về an ninh khiến cho các nước thành



viên ASEAN phải “chọn bên” và bị động trước biến đổi của CTAN tại khu vực.

3. Tình hình trên tác động nhiều chiều đến lợi ích của ASEAN nói chung, Việt Nam nói riêng gắn với đặc điểm địa-chiến lược tự nhiên, nhận biết được từ biến động về môi trường an ninh, không gian phát triển và địa vị quốc gia của ĐNA/Việt Nam, tương đồng với ba lĩnh vực quan trọng nhất đối với sự ổn định và phát triển là an ninh, kinh tế và chính trị. Trên mỗi lĩnh vực, tác động đều có hai chiều, thuận và nghịch. Việc nhìn nhận, phát huy chiều thuận, hạn chế chiều nghịch phụ thuộc vào cách thức nhìn nhận và ứng xử của ASEAN trong từng thời điểm và của mỗi nước thành viên ASEAN tùy theo quan niệm riêng về lợi ích.

4. Nằm ở một khu vực là trung tâm mới của toàn cầu trong thế kỷ XXI cả về ý nghĩa an ninh lẫn phát triển, ĐNA là trọng điểm giành giật chiến lược của nước lớn, trực tiếp là hai siêu cường CA-TBD - Mỹ và Trung Quốc. Tình trạng này giúp ASEAN là đối tác tranh thủ nhiều hơn là đối tượng đấu tranh của không chỉ hai siêu cường Mỹ, Trung Quốc mà còn là của các cường quốc khu vực như Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc và tổ chức quốc tế như LHQ, EU. Trong tình hình mới, cơ hội cho ASEAN góp phần xây dựng một CTAN mới tại khu vực là nhiều hơn so với trước, tuy nhiên ASEAN có tận dụng được cơ hội, tự thay đổi số phận của mình hay không còn tùy thuộc vào xu hướng phát triển tới đây của tổ chức này.

5. Việt Nam có ưu thế đặc biệt đóng góp vào tiến trình trên, bảo đảm lợi ích quốc gia, đồng thời góp phần quan trọng bảo vệ lợi ích của các nước ASEAN thông qua nỗ lực cá nhân và tác động dẫn dắt nỗ lực của ASEAN trong tiến trình hướng tới một trật tự mới, định dạng CTAN mới tại CA-TBD. Tình hình từ nay đến năm 2030 còn diễn biến phức tạp, đặt ra nhiều kịch bản cho dạng thức CTAN tại CA-TBD trong tương lai. Trước bối cảnh tình hình phức tạp, mọi kịch bản đều có thể xảy ra, và cách thức tốt nhất là chuẩn bị sẵn sàng

cho kịch bản xấu nhất nhưng hy vọng và thúc đẩy cho kịch bản tốt nhất. Việt Nam có nhiều ưu thế để có thể thúc đẩy những điều kiện cần thiết cho dạng thức CTAN tích cực nhất cho khu vực. Có nhiều trở ngại phải vượt qua nhưng thuận lợi cũng là chưa từng có để thực hiện mong muốn trên. Điều quan trọng lúc này là Việt Nam cần nhận biết rõ bức tranh thế giới xung quanh, hiểu rõ Việt Nam đang ở chỗ nào, Việt Nam cần làm gì để cải thiện tương lai. Việt Nam cần thay đổi mình, từ tư duy đến hành động, để có thể giành cho mình một vị trí tương lai sáng trong bức tranh âm đậm của khu vực trong thập kỷ tới./.

**DANH MỤC**  
**CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Đỗ Lê Chi (2019), "Chính sách liên minh của Mỹ tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương", *Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay*, Số 2 (251), Tháng 02.
2. Đỗ Lê Chi (2019), "Chiến tranh thương mại trong cọng xát chiến lược Mỹ - Trung và lợi ích của Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, Số 2 (210), Tháng 02.
3. Đỗ Lê Chi (2019), "Biển Đông trong cục diện mới", *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 3 (275), Tháng 3.
4. Đỗ Lê Chi (2019), "Sự vận động của các cơ chế do ASEAN dẫn dắt tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương từ sau Chiến tranh lạnh đến nay", *Tạp chí Cộng sản*, số 926 (9 - 2019)
5. Đỗ Lê Chi (2019), "Tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tới Việt Nam và gợi ý cho việc sử dụng biện pháp ngoại giao bảo vệ an ninh quốc gia", *Hội thảo khoa học quốc tế "Biện pháp ngoại giao trong bảo vệ an ninh quốc gia"*, Học viện An ninh nhân dân - Học viện An ninh Liên bang Nga.